

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**

PHAN VĂN BÔNG

**NHỮNG CHUYỂN BIẾN KINH TẾ, XÃ HỘI
CỦA NGƯỜI CƠ HO SRÊ Ở TỈNH LÂM ĐỒNG
TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2015**

**Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
Mã số: 9.22.90.13**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH LỊCH SỬ VIỆT NAM

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- 1. PGS.TS. CAO THẾ TRÌNH**
- 2. TS. VÕ TẤN TÚ**

Lâm Đồng, năm 2022

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Đà Lạt.

Người hướng dẫn khoa học 1: PGS.TS. Cao Thế Trình

Người hướng dẫn khoa học 2: TS. Võ Tấn Tú

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án

Tiến sĩ họp tại Trường Đại học Đà Lạt

vào hồi giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Trung tâm thông tin - thư viện Đại học Đà Lạt

- Website <http://www.dlu.edu.vn>

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong *Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam*, do Tổng cục Thống kê Việt Nam ban hành ngày 02/3/1979, người Cơ ho thuộc ngữ hệ Môn - Khơ me ở Việt Nam. Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, người Cơ ho ở Việt Nam có dân số 200.800 người, xếp thứ 16 trong 54 dân tộc, cư trú tại nhiều tỉnh thành, trong đó tỉnh Lâm Đồng là nơi tập trung đông nhất (175.531 người), tiếp đến là các tỉnh Bình Thuận (13.531), Khánh Hòa (5.724 người), Ninh Thuận (3.333)...

Tại Lâm Đồng, người Cơ ho có dân số đứng thứ hai toàn tỉnh (sau người Kinh), tập trung tại các huyện Di Linh, Lạc Dương, Lâm Hà, Đơn Dương, Đức Trọng, Bảo Lâm. Người Cơ ho bao gồm nhiều nhóm địa phương: Cơ ho Srê, Cơ ho Nộp, Cơ ho Chil, Cơ ho Lạch, Cơ ho T'ring, trong đó, nhóm Cơ ho Srê chiếm số lượng đông nhất (năm 2019 là 103.682 người), sinh sống tại các huyện Di Linh, Bảo Lâm, Lâm Hà, Đơn Dương, Đức Trọng... Di Linh là nơi có đông người Cơ ho Srê nhất.

Sau năm 1975, thực hiện chính sách xây dựng vùng kinh tế mới, luồng cư dân từ các tỉnh miền Trung và miền Bắc di cư vào Lâm Đồng với quy mô lớn, ngoài ra các luồng di cư tự do cũng chiếm tỷ lệ cao. Cùng với đó, trong hơn 40 năm qua, với mục tiêu xây dựng cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên đoàn kết, ổn định và phát triển bền vững, trong đó tập trung vào việc ổn định đời sống, tạo sinh kế lâu dài và bền vững cho người dân tộc thiểu số. Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách đối với người dân tộc thiểu số nói chung và người dân tộc thiểu số tại Lâm Đồng nói riêng: chương trình định canh, định cư, chương trình thành lập các nông, lâm trường quốc doanh, xây dựng kinh tế với mô hình tập đoàn sản xuất, chương trình xóa đói giảm nghèo, chương trình xây dựng nông thôn mới, các dự án trồng rừng và bảo vệ rừng... và nhiều chương trình, dự án phát triển kinh tế, xã hội khác. Điều đó, đã tác động mạnh mẽ đến kinh tế, xã hội của các tộc người thiểu số tại địa phương nói chung và người Cơ ho Srê nói riêng. Người Cơ ho Srê là nhóm địa phương tận dụng thành công nhất các chính sách để phát triển kinh tế, xã hội và ổn định đời sống. Nền kinh tế và tổ chức xã hội truyền thống của họ có những chuyển biến quan trọng. Đó là sự thay đổi mạnh mẽ về không gian sống, thiết chế cộng đồng, dòng họ, gia đình, hoạt động kinh tế, giao lưu tiếp biến văn hóa và vị thế chính trị của người Cơ ho Srê. Tất cả những chuyển biến trong kinh tế, xã hội của người Cơ ho Srê cần được nghiên cứu và đánh giá một cách có hệ thống dưới góc độ khoa học.

Về mặt khoa học, việc nghiên cứu chuyển biến kinh tế, xã hội về người Cơ ho nói chung và nhóm Cơ ho Srê nói riêng ở Lâm Đồng đã được nhiều học giả trong và ngoài nước quan tâm. Tuy nhiên, các công trình tập trung nghiên cứu về kinh tế, xã hội của tộc người này chủ yếu dưới góc độ Dân tộc học/ Nhân học. Đến nay, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện chuyển biến kinh tế, xã hội của người Cơ ho Srê từ năm 1975 đến năm 2015 dưới góc độ lịch sử. Việc nghiên cứu bức tranh toàn cảnh về kinh tế, xã hội của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng giai đoạn 1975 - 2015 sẽ góp thêm những tư liệu lịch sử về người Cơ ho Srê nói riêng cũng như người Cơ ho ở Lâm Đồng nói chung. Đồng thời, trên quy luật chuyển biến kinh tế, xã hội của người Cơ ho Srê trong 40 năm qua, sẽ có nhận định, đánh giá hợp lý và đúc kết những kinh nghiệm không chỉ có giá trị trong xây dựng cộng đồng người Cơ ho Srê ổn định và phát triển, mà còn có ý nghĩa đối với các dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng, rộng hơn là các dân tộc thiểu số Tây Nguyên.

Vì thế, với cái nhìn toàn diện, đề tài này sẽ làm rõ thực trạng chuyển biến kinh tế, xã hội của người Cơ ho Srê ở tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn 1975 - 2015; các nhân tố tác động đến sự chuyển biến kinh tế, xã hội. Đồng thời, đề tài có những đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm để từ đó đưa ra các

giải pháp như là những gợi ý khoa học giúp các nhà quản lý đưa ra những chủ trương phù hợp, khả thi, phát triển kinh tế, xã hội một cách bền vững ở người Cơ ho Srê sinh sống nói riêng và các dân tộc thiểu số Tây Nguyên nói chung. Đó chính là vấn đề có tính cấp thiết mà đề tài quan tâm hướng đến.

Từ các lý do trên, chúng tôi chọn đề tài “**Những chuyển biến kinh tế, xã hội của người Cơ ho Srê ở tỉnh Lâm Đồng từ năm 1975 đến năm 2015**” làm đề tài luận án tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

2. Lịch sử nghiên cứu

2.1 Các công trình nghiên cứu về người Cơ ho Srê trước năm 1975

Về nghiên cứu người Cơ ho Srê trước 1975, có thể kể đến: Jacques Dournes, có nhiều tác phẩm liên quan đến người Cơ ho Srê, *Dictionnaire Srê (Köho) – Francais* (Từ điển Srê (Cơ ho) – Pháp) (1950), *Miền đất huyền ảo – Các dân tộc miền núi Nam Đông Dương* (1950), *Lexique polyglotte Viêtnamien – Köho – Röglay – Francais*, (1953) viết cùng Bouchet G. Tác phẩm *A Study of Montagnard Names in Vietnam* (1962) của E.H. Adkins, tác phẩm *Montagnard Tribal Groups of the Republic of South Viet-Nam* (1964) của Trường Chiến tranh đặc biệt của quân đội Mỹ (Army Special Warfare School (U.S.)), *The highland people of South Vietnam: social and economic development* (1967) của Hickey, C. G., *Các sắc tộc thiểu số tại Việt Nam* (1970) của Hội đồng các sắc tộc Việt Nam Cộng hòa, *Đồng bào các sắc tộc thiểu số Việt Nam (nguồn gốc và phong tục)* (1973) của Nguyễn Trắc Dĩ... Trong các tác phẩm này có những giới thiệu sơ lược về người Cơ ho nói chung và nhóm người Cơ ho Srê nói riêng.

2.2 Các công trình nghiên cứu sau năm 1975

2.2.1 Nghiên cứu về kinh tế, xã hội của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên

Sau 1975, nghiên cứu về kinh tế, xã hội của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên như *Một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên* (1986), *Tây Nguyên trên đường phát triển* (1989) của Ủy ban KHXH; *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Nam)* (1984); *Văn hóa các dân tộc Tây Nguyên – thực trạng và những vấn đề đặt ra* (2004) của Trần Văn Bính,... Từ năm 2010, có *Tổ chức và hoạt động buôn làng Tây Nguyên trong phát triển bền vững* (2010), *Thực trạng phát triển Tây Nguyên và một số vấn đề phát triển bền vững* (2011) và *Một số vấn đề cơ bản của xã hội Tây Nguyên trong phát triển bền vững* (2012) của Bùi Minh Đạo; *Văn hóa cổ truyền Tây Nguyên trong phát triển bền vững* (2012) của Đỗ Hồng Kỳ, *Hướng tới phát triển bền vững vùng Tây Nguyên* (2014) của Lê Văn Khoa và Phạm Quang Tú (đồng chủ biên)... Ngoài ra, có nhiều công trình nghiên cứu kinh tế, xã hội Tây Nguyên với nhiều góc độ tiếp cận khác nhau.

2.2.2 Nghiên cứu về kinh tế, xã hội của các DTTS Lâm Đồng nói chung và người Cơ ho Srê nói riêng

Từ năm 1975 đến nay, việc nghiên cứu về người Cơ ho đã được nhiều học giả trong nước chú ý hơn, có thể kể đến: *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng* (1983) do tác giả Mạc Đường chủ biên; *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)* (1984) của Phan Ngọc Chiến; đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh *Văn hóa truyền thống Mạ - Cơ ho* (1996) do Cao Thế Trình chủ nhiệm; *Điều tra di sản văn hóa Cơ ho, Mạ, Chu ru tỉnh Lâm Đồng* (1999) của Sở Văn hóa – Thông tin tỉnh Lâm Đồng,... Đề cập trực tiếp đến kinh tế, văn hóa, xã hội cổ truyền của người Cơ ho trong thời gian gần đây phải kể đến *Dân tộc Cơ Ho ở Việt Nam* (2003) của tác giả Bùi Minh Đạo (chủ biên) – Vũ Thị Hồng, *Người Cơ ho ở Lâm Đồng – nghiên cứu nhân học về dân tộc và văn hóa* do Phan Ngọc Chiến chủ biên...

Ngoài ra, còn có hàng trăm bài viết, công trình nghiên cứu công trình nghiên cứu của các tác giả như Phạm Thành Thôi, Lê Minh Chiến, Võ Tấn Tú, Phan Minh Nhật... được đăng tải trên các tạp chí, in thành sách... là những tài liệu hết sức quan trọng để tham khảo cho luận án *Những chuyển biến kinh tế, xã hội của người Cơ ho Srê ở tỉnh Lâm Đồng từ năm 1975 đến năm 2015*.

2.3 Những vấn đề đã được nghiên cứu

Cho đến nay, việc nghiên cứu về kinh tế, xã hội, văn hóa ở người Cơ ho được nhiều nhà khoa học quan tâm, nghiên cứu đề cập ở những mức độ khác nhau trong các công trình của mình.

Các nguồn tài liệu, công trình nghiên cứu mà chúng tôi đã tiếp cận được, đề cập phương diện lịch sử, ngôn ngữ, kinh tế, xã hội, văn hóa... của các tộc người ở Tây Nguyên, các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn – Khơ me nói chung, dân tộc Cơ ho nói riêng (trong đó có nhóm Cơ ho Srê) của nhiều tác giả Việt Nam và nước ngoài. Đây là cơ sở để chúng tôi tham khảo phục dựng lại bức tranh khái lược về kinh tế, văn hóa, xã hội truyền thống của người Cơ ho Srê.

Từ sau 1975 đến nay, có nhiều công trình nghiên cứu, hoặc đề cập đến kinh tế, xã hội của các DTTS Tây Nguyên nói chung, người Cơ ho nói riêng. Những tư liệu này dù không thuộc vấn đề chính mà luận án đề cập tới, nhưng là nguồn tư liệu tham khảo hữu ích cho chúng tôi trong quá trình thực hiện luận án.

Nhìn chung, có thể thấy từ lâu việc nghiên cứu người Cơ ho Srê đã được đề cập với các mức độ khác nhau, nhưng các công trình nghiên cứu về người nhóm địa phương cụ thể của người Cơ ho là Srê chỉ dừng lại ở các khía cạnh, lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa truyền thống và còn lẫn trong nhóm Cơ ho nói chung. Về vấn đề chuyển biến kinh tế, xã hội của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng từ năm 1975 - 2015 của luận án cho đến nay chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện dưới góc độ lịch sử từ lý luận đến những khảo sát thực tế.

2.4 Những vấn đề luận án cần tập trung giải quyết

Giới thiệu khái quát về tộc danh, lịch sử tộc người, địa bàn cư trú, kinh tế, xã hội, văn hóa truyền thống của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng trên cơ sở nguồn tư liệu tiếp cận được và thực tế điền dã của chúng tôi.

Bối cảnh lịch sử các giai đoạn: giai đoạn 1975 - 1986, là thời gian khôi phục đất nước sau chiến tranh; xây dựng nền kinh tế theo hướng tập trung quan liêu, bao cấp; giai đoạn 1986 - 2015, là thời kỳ đất nước tiến hành công cuộc “đổi mới đất nước”, “quá trình xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN”, “CNH, HĐH đất nước”. Bối cảnh đó đã tác động như thế nào đến quá trình chuyển biến kinh tế, xã hội của các DTTS nói chung, nhóm người Cơ ho Srê nói riêng.

Bên cạnh kế thừa tài liệu của các nhà khoa học, học giả đi trước, chúng tôi thực hiện các chuyến thực tế điền dã, điều tra xã hội học, phỏng vấn sâu... nhằm nghiên cứu thực trạng chuyển biến kinh tế, xã hội của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng từ 1975 - 2015 cho luận án. Từ nguồn số liệu khảo sát thu thập được, kết quả các cuộc phỏng vấn... luận án luận giải các nguyên nhân và yếu tố tác động đến quá trình chuyển biến kinh tế, xã hội cả mặt tích cực lẫn hạn chế.

Trên cơ sở nghiên cứu những chuyển biến kinh tế, xã hội của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng, luận án còn tập trung đánh giá những thành tựu, hạn chế của quá trình chuyển biến đó, cũng như luận giải nguyên nhân dẫn đến những thành tựu, hạn chế, rút ra những bài học kinh nghiệm; từ đó có những đề xuất giải pháp nhằm phát triển kinh tế bền vững và ổn định xã hội cho người Cơ ho Srê nói riêng và người Cơ ho ở Lâm Đồng nói chung.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu chuyển biến kinh tế, xã hội của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng từ 1975 - 2015 thực chất là nghiên cứu những giá trị kinh tế, xã hội truyền thống cùng những chuyển biến của nó do chủ trương của Đảng và Nhà nước, do sự phát triển chung của đất nước và quá trình giao lưu, tiếp biến kinh tế, xã hội với các tộc người khác.

Nghiên cứu của luận án nhằm góp phần xây dựng luận cứ khoa học để nhận thức và giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng cũng như trên phạm vi cả nước, giúp cho các cấp chính quyền, các nhà hoạch định chính sách kịp thời hoàn thiện hoặc đề ra những chính sách kinh tế, xã hội mới phù hợp với từng tộc người, nhóm tộc người.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Tổng quan về cộng đồng người Cơ ho Srê ở Việt Nam nói chung và Lâm Đồng nói riêng. Khái quát những đặc điểm của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng như tộc danh, ngôn ngữ, lịch sử tộc người, dân số và địa bàn cư trú, các điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa truyền thống,...

Làm rõ hoàn cảnh lịch sử phân tích làm sáng tỏ sự chuyển biến kinh tế, xã hội của người Cơ ho Srê, qua thời kỳ lịch sử từ năm 1975 đến 2015.

Đánh giá những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp và kiến nghị cho việc phát triển kinh tế, xã hội bền vững trong cộng đồng người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những chuyển biến kinh tế và tổ chức xã hội của người Cơ ho Srê ở tỉnh Lâm Đồng từ năm 1975 đến 2015.

4.2 Phạm vi nghiên cứu

Về phạm vi không gian nghiên cứu, luận án nghiên cứu về sự chuyển biến kinh tế, xã hội Cơ ho Srê được xác định chủ yếu ở hai huyện Di Linh và Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng nơi tập trung người Cơ ho Srê sinh sống.

Về phạm vi thời gian nghiên cứu, luận án nghiên cứu sự chuyển biến kinh tế và xã hội của người Cơ ho Srê từ 1975 - 2015.

Về phạm vi nội dung nghiên cứu

Chuyển biến trong cơ cấu kinh tế: trồng trọt, chăn nuôi, săn bắt hái lượm, trao đổi mua bán cùng với các hoạt động sinh kế khác.

Chuyển biến về xã hội tập trung vào chuyển biến của tổ chức xã hội: bòn, dòng họ, gia đình.

5. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

Xuất phát từ mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án, chúng tôi đặt ra những câu hỏi làm trọng tâm nghiên cứu:

- Kinh tế và tổ chức xã hội của người Cơ ho Srê có chuyển biến như thế nào trong thời kỳ từ 1975 - 2015?

- Quá trình chuyển biến kinh tế và tổ chức xã hội từ 1975 - 2015 của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng đã đạt được những thành tựu và hạn chế nào? Nguyên nhân của thành tựu và hạn chế đó?

- Làm thế nào để phát triển bền vững kinh tế, xã hội người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng?

Từ những câu hỏi nghiên cứu trên đây, luận án xây dựng một số giả thuyết nghiên cứu chính để kiểm chứng thông qua quá trình thu thập và xử lý tư liệu như sau:

- Từ 1975 – 2015, kinh tế và tổ chức xã hội của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng chuyển biến qua 2 giai đoạn: 1975 - 1986 và 1986 - 2015, mỗi giai đoạn có những nét tương đồng nhưng cũng có nét đặc thù riêng và theo hướng phát triển.

- Quá trình chuyển biến kinh tế và tổ chức xã hội từ 1975 - 2015 của người Cơ ho Srê Lâm Đồng đã đạt được những thành tựu lớn nâng cao đời sống người dân, bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế cần khắc phục. Nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế này do nhiều nguyên nhân cả khách quan lẫn chủ quan: chính sách, con người, sự phát triển của khoa học – kỹ thuật, di cư và cộng cư...

- Để phát triển bền vững kinh tế, xã hội ở người Cơ ho Srê tại Lâm Đồng cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp về kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường.

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1 Phương pháp luận

Nghiên cứu đề tài *Những chuyển biến kinh tế, xã hội của người Cơ ho Srê ở tỉnh Lâm Đồng từ năm 1975 đến năm 2015*, chúng tôi dựa trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử của Chủ nghĩa K.Marx – V.I. Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam về vấn đề lịch sử, dân tộc, kinh tế, xã hội, nông dân, nông thôn,... để phân tích, đánh giá những vấn đề kinh tế, xã hội của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng.

6.2 Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng *phương pháp lịch sử* và *phương pháp logic* là cơ sở, là nền tảng cho nghiên cứu lịch sử. Bằng sự kết hợp hai phương pháp đó, sự chuyển biến kinh tế, xã hội của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng được xem xét trên các giai đoạn phát triển kế tiếp nhau từ nền tảng kinh tế, tổ chức xã hội truyền thống đến sự chuyển biến từ năm 1975 đến năm 2015 với biểu hiện ở những lĩnh vực cụ thể. So sánh trạng thái chuyển biến về chất của quá trình chuyển đổi để thấy được sự thay đổi nội tại của kinh tế, tổ chức xã hội của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng. Qua đó, đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm, đề xuất giải pháp và kiến nghị trong phạm vi xác định của đề tài.

6.3 Phương pháp nghiên cứu cụ thể

- *Phương pháp sưu tầm, tổng hợp và phân tích tư liệu có sẵn*, trong quá trình thực hiện, chúng tôi tiến hành hệ thống và nghiên cứu những tư liệu có liên quan đến luận án. Đó là các bài viết, công trình nghiên cứu của nhiều nhà khoa học; các nguồn tư liệu từ các cấp Đảng, chính quyền, cơ quan thống kê các xã, huyện, tỉnh dưới dạng các báo cáo, số liệu thống kê,... có liên quan đến luận án.

- *Phương pháp so sánh đối chiếu*, trong quá trình điền dã thu thập và phân tích dữ liệu, chúng tôi đã đối chiếu, so sánh với thông tin từ các tư liệu thư tịch, giúp cho chuyên đề có được cái nhìn khách quan, khoa học.

- *Phương pháp quan sát, quan sát - tham dự* trong quá trình thực hiện luận án chúng tôi đã điền dã, quan sát và trực tiếp tham gia vào hoạt động kinh tế, lưu trú lại địa phương trong một khoảng thời gian dài tại các địa bàn huyện Di Linh, Đức Trọng (Lâm Đồng).

- *Phương pháp phỏng vấn sâu*, trong suốt quá trình điền dã tại cộng đồng người Cơ ho Srê ở huyện Di Linh, Đức Trọng (Lâm Đồng), chúng tôi đã tiến hành nhiều cuộc phỏng vấn sâu. Trong

đó chúng tôi kết hợp phỏng vấn đương đại và hồi cố để dựng lại bức tranh kinh tế, xã hội trước đây của họ và những thay đổi đang diễn ra, cũng như những quan điểm của họ, vừa khai thác, thu thập thêm tư liệu mới, vừa kiểm chứng, so sánh các tài liệu thư tịch.

- *Phương pháp nghiên cứu liên ngành*, nhằm sử dụng các thành tựu của nhiều ngành khác như điền dã dân tộc học, nhân học, xã hội học,... để tiếp cận đối tượng nghiên cứu của đề tài.

- *Phương pháp điều tra xã hội học*: Luận án sử dụng bảng hỏi là công cụ thu thập thông tin quan trọng với đơn vị phân tích là hộ gia đình. Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn bằng bảng hỏi với hộ gia đình người Cơ ho Srê tại hai huyện Di Linh (xã Bảo Thuận và thị trấn Di Linh) và Đức Trọng (xã N'Thol Hạ). Để tìm được dung lượng mẫu cần thiết cho nghiên cứu, chúng tôi áp dụng công thức Slovin tính mẫu tối ưu với độ tin cậy là 95% và sai số 5%. Trong đó: N là kích thước của tổng thể (*tổng số hộ khẩu người Cơ ho Srê tại địa bàn nghiên cứu*), e^2 : Sai số chọn mẫu. Dung lượng mẫu cần khảo sát là:

$$n = \frac{N}{1 + N * e^2} = \frac{3510}{1 + 3510 * 0.05^2} = 359,1$$

Như vậy, số hộ gia đình người Cơ ho Srê cần lựa chọn để khảo sát là 359 hộ gia đình. Tuy nhiên, trên thực tế khi điều tra có thể gặp thái độ không hợp tác của người trả lời, bị từ chối trả lời hoặc có trả lời nhưng thông tin không đáng tin cậy, bị lỗi. Để phòng ngừa những rủi ro ngẫu nhiên trong quá trình thu thập thông tin nên dung lượng mẫu khảo sát của luận án 400.

7. Đóng góp mới của luận án

Luận án là công trình áp dụng các phương pháp và hướng tiếp cận theo chuyên ngành lịch sử để tiếp cận các vấn đề về chuyển biến kinh tế, xã hội của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng từ 1975 - 2015. Luận án đã hệ thống hóa được nguồn tư liệu, có cái nhìn hệ thống và xuyên suốt về sự chuyển biến kinh tế, xã hội của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng.

Kết quả thực hiện luận án sẽ góp phần bổ sung hoặc tô đậm thêm tri thức khoa học về kinh tế và xã hội của cộng đồng người Cơ ho Srê nói riêng và người Cơ ho ở Lâm Đồng nói chung. Trên cơ sở đó, luận án sẽ làm phong phú thêm tri thức khoa học về vấn đề chuyển biến kinh tế, xã hội của các tộc người theo chế độ mẫu hệ ở Tây Nguyên, Việt Nam.

Với nội dung của luận án, các nhà nghiên cứu, quản lý kinh tế, xã hội và xã hội có thể sử dụng để tham khảo, cũng như triển khai các chủ trương, chính sách về kinh tế, xã hội và văn hóa, góp phần vào việc phát triển bền vững của người Cơ ho ở Lâm Đồng và các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên nói chung. Đồng thời, đề tài cũng góp phần nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương cho học sinh, sinh viên tại Lâm Đồng.

8. Bố cục của luận án

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận luận án có kết cấu bốn chương:

Chương 1. *Cơ sở lý luận và tổng quan nhóm tộc người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng.*

Chương 2. *Kinh tế, xã hội của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng từ năm 1975 -1986.*

Chương 3. *Kinh tế, xã hội của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng từ năm 1986-2015.*

Chương 4. *Nhận xét, đánh giá và đề xuất giải pháp phát triển kinh tế, xã hội bền vững trong cộng đồng người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng.*

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN

VÀ TỔNG QUAN NHÓM TỘC NGƯỜI CƠ HO SRÊ Ở LÂM ĐỒNG

1.1 Một số vấn đề về lý thuyết

1.1.1 Các khái niệm được dùng trong luận án

Các khái niệm được dùng trong luận án: Chuyển biến, kinh tế, chuyển biến kinh tế, xã hội, chuyển biến xã hội.

1.1.2 Các cơ sở lý thuyết của luận án

Luận án sử dụng các cơ sở lý thuyết chính: Biến đổi xã hội, Phát triển, Phát triển bền vững những lý thuyết này tùy vào từng nội dung cụ thể được vận dụng phù hợp.

1.2 Tổng quan về địa bàn và người Cơ ho Srê ở tỉnh Lâm Đồng

1.2.1 Tổng quan về tỉnh Lâm Đồng

1.2.1.1 Điều kiện tự nhiên

Lâm Đồng là tỉnh miền núi phía Nam Tây Nguyên, phía Đông giáp Khánh Hòa và Ninh Thuận; phía Tây Nam giáp Đồng Nai, Đắk Nông; phía Nam Đông giáp Bình Thuận, phía Bắc giáp Đắk Lắk. Lâm Đồng có địa hình cao nguyên tương đối phức tạp, chủ yếu là bình sơn nguyên, núi cao và một số thung lũng nhỏ bằng phẳng. Điểm nổi bật của địa hình tỉnh Lâm Đồng là sự phân bậc khá rõ từ Bắc xuống Nam; phía Bắc là núi cao, thấp dần về phía Đông và Tây. Lâm Đồng có diện tích đất 977.219,6 ha, chiếm 98% diện tích tự nhiên. Chất lượng đất đai của Lâm Đồng khá màu mỡ, đến năm 2015, toàn tỉnh có 368.268,53 ha đất sản xuất nông nghiệp, trong đó có 304.693,15 ha đất trồng cây lâu năm (khoảng hơn 200.000 ha đất bazan) có giá trị kinh tế cao như cà phê, chè, cao su, dầu tầm,... đất trồng lúa 21.043,67 ha.

Lâm Đồng trong năm có 2 mùa rõ rệt; mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ thay đổi giữa các khu vực, càng lên cao nhiệt độ càng giảm. Nhiệt độ trung bình năm dao động từ 18 - 25⁰C, thời tiết ôn hòa và mát mẻ quanh năm, thường ít có những biến động lớn giữa các tháng trong năm, mặc dù nhiệt độ thay đổi giữa ngày và đêm là khá cao, nhất là ở Đà Lạt, Lạc Dương. Lâm Đồng có hệ thống sông suối phân bố khá đồng đều, ba sông chính ở Lâm Đồng là sông Đa Dâng, sông La Ngà và sông Đa Nhim.

1.2.1.2 Điều kiện xã hội

Tỉnh Lâm Đồng đến nay có 02 thành phố: thành phố Đà Lạt, thành phố Bảo Lộc và 10 huyện Lạc Dương, Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà, Đam Rông, Di Linh, Bảo Lâm, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên. Đến ngày 01/4/2019 dân số Lâm Đồng là 1.296.906 người, với hơn 40 tộc sinh sống, đông nhất người Kinh 963.290 người (chiếm 72,2%), người Cơ ho 175.531 người (chiếm 13,5%), Mạ 38.523 người (3%), Nùng 24.423 (1,9%),..

1.2.2 Tổng quan về người Cơ ho và nhóm người Cơ ho Srê

1.2.2.1 Khái quát về người Cơ ho

Tộc danh, người Cơ ho là một tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn – Khmer. Người Cơ ho còn gọi bằng nhiều tên khác nhau (kiểu biến danh) như: Köho, Kơ ho, Kô hô, Cờ ho, K'ho, Ka ho,... Tuy nhiên, Cơ ho là tộc danh chính thức của họ được ghi trong *Danh mục thành phần các dân tộc Việt Nam* do Tổng cục thống kê công bố ngày 02/3/1979, cũng như được dùng trong các văn bản chính thức một cách phổ biến.

Lịch sử tộc người, người Cơ ho có nguồn gốc đảo, họ đến vùng Nam Trung bộ Việt Nam cư trú. Khi người Chăm và các tộc người thuộc khối ngôn ngữ Malayo – Polinesien tiến vào họ đã bị

đây lên vùng núi cao này. Người Cơ ho là một trong những cư dân tại chỗ lâu đời ở Nam Tây Nguyên.

Dân cư, đến ngày 1/4/2019, dân số Cơ ho tại Lâm Đồng là 175.531 người. Người Cơ ho bao gồm nhiều nhóm địa phương khác nhau: Srê, Chil, Lạch...

1.2.2.2 *Khái quát về người Cơ ho Srê*

Người Cơ ho Srê, là nhóm dân cư đông nhất của người Cơ ho, có nhiều cách gọi là Xrê, Xorê, hay Srê, trong luận án chúng tôi gọi thống nhất là Cơ ho Srê. Đây là nhóm với nghề trồng lúa nước ảnh hưởng nhiều của người Chăm nên họ nhận mình là người Srê (*cau Sre*) có nghĩa là dân ruộng nước. Hiện nay, người Cơ ho Srê sống ven các quốc lộ lớn qua tỉnh Lâm Đồng, có mặt ở hầu hết các huyện của tỉnh như Di Linh, Lâm Hà, Đơn Dương, Đức Trọng... đông nhất là Di Linh. Đến năm 2015, dân số Cơ ho Srê ở Lâm Đồng là 92.973 người trên tổng số 166.391 người Cơ ho (chiếm gần 55,9%).

- Sinh hoạt kinh tế truyền thống của người Cơ ho Srê

Trồng trọt, gồm trồng trọt lúa nước (*kòì sre*) và hoạt động nương rẫy (*mìr*). Họ canh tác lúa nước trên những cánh đồng ở các đáy hay dọc theo sườn của các thung lũng, các thửa ruộng trên sườn dốc được xây dựng theo từng bậc thang. Ruộng nước Cơ ho Srê gần như chỉ làm một vụ mỗi năm, đôi khi họ làm thêm một vụ ngắn ngày vào vụ Đông – Xuân. Ruộng nước của họ có 2 loại: ruộng ở những nơi cao (*sre gol*) dễ bị thiếu nước, khô hạn; ruộng dưới thấp (*sre pò*) đây là loại ruộng dưới trũng thuận tiện nguồn nước. Người Cơ ho Srê sử dụng trâu đôi trong cày, bừa, làm đất, họ không bón phân cho lúa. Trên nương rẫy (*mìr*) người Cơ ho Srê trồng lúa (*kòì mìr*), trồng bắp, đậu, sắn, bầu, bí, dưa... Phương thức canh tác truyền thống là chọc lỗ tra hạt. Canh tác rẫy của người Cơ ho Srê là xen canh, trong đó lúa là chủ đạo.

Chăn nuôi, vật nuôi truyền thống của người Cơ ho Srê gồm: các loại gia súc trâu (*ro pu*), lợn (*sur*), dê (*ve*), các loại gia cầm: gà (*iar*), vịt (*ada*), ngoài ra các gia đình người Cơ ho còn nuôi chó giữ nhà (*so*). Trâu không chỉ dùng trong cày ruộng, trâu còn dùng trong hiến tế, cưới chồng cho con, chia tài sản, đem ra trao đổi chum, ché, vải, vàng bạc... Vật nuôi hầu hết thả rông, tối ngủ ngoài rừng (đại gia súc) hoặc ngủ dưới gầm sàn nhà (đối với vật nuôi nhỏ).

Nghề thủ công và trao đổi, mua bán, nghề thủ công truyền thống của người Cơ ho Srê chủ yếu là đan lát (*tàñ sớ sah*) và rèn (*tiar*) và ủ rượu cần. Hoạt động trao đổi truyền thống của người Cơ ho Srê chủ yếu theo phương thức hàng đổi hàng.

Săn bắt, hái lượm, giống như nhiều DTTS tại chỗ khác, săn bắt, hái lượm là một phần không thể thiếu trong đời sống của người Cơ ho Srê, giúp họ cải thiện đời sống gia đình mình.

- Tổ chức xã hội truyền thống của người Cơ ho Srê

Bòn (*làng*) là tổ chức xã hội của người Cơ ho Srê. Bòn là tập hợp của những ngôi nhà dài (*hiu om*) của các gia đình (*hiu bonhã*) song song nhau trên cùng một con đường với “giếng”, “ao” chung thuận lợi. Người Cơ ho Srê chuyên canh lúa nước nên địa bàn cư trú của họ thường tập trung, mỗi bòn có thể 30 – 40 nóc nhà. Bòn là đơn vị xã hội độc lập, có thiết chế tự quản riêng. Đứng đầu mỗi bòn là chủ làng (*kuãng bòn/ kuãng bri phê bòn*), thông qua hệ thống luật tục phong phú, tương đối đầy đủ và có sẵn tự xưa, đã góp phần duy trì trật tự của các bòn.

Dòng họ (joi nòi), người Cơ ho Srê là cư dân theo chế độ mẫu hệ nên con cái sinh ra mang họ mẹ. Dòng họ mẫu hệ là tập hợp cá nhân dựa theo tổ tiên chung tính theo họ mẹ. Họ người Cơ ho

Srê có Tam bô (*Tam bou*), Tam Ring, Kon Nhài, Liang Rai, Rơ ha Blăng, Bil... Người Cơ ho Srê rất coi trọng dòng họ, với vai trò của Trưởng tộc (*kôn pàng*), ông cậu (*kôn*) rất lớn.

Gia đình (hiu bonhă), trong xã hội truyền thống của mình người Cơ ho Srê nói riêng vẫn tồn tại song song hai hình thái gia đình. Gia đình lớn và gia đình nhỏ, trong đó gia đình lớn mẫu hệ là phổ biến. Trong gia đình truyền thống, người mẹ có toàn quyền trên tài sản, của cải, đất đai của gia đình... nhưng công việc chủ yếu của họ là bếp núc, đi hái rau, chăm sóc con cái, phụ chồng trong một số việc rẫy như tria hạt, cào cỏ... Lao động chính từ làm ruộng nước, chăn nuôi gia súc hầu hết đều do người chồng, người đàn ông, con trai trong gia đình đảm nhận. Theo phong tục của mình, khi về già người Cơ ho Srê thường sống với con gái, nếu nhiều con gái họ sẽ ở với con gái út. Trong gia đình, tầm quan trọng của cá nhân thấp hơn tầm quan trọng của gia đình; gia đình phải chịu trách nhiệm về những tội lỗi hoặc vi phạm của một cá nhân. Những người đứng đầu gia đình là những người đàn ông uy tín, được kính trọng nhất với kiến thức sâu rộng về truyền thống, phong tục và luật tục.

Hôn nhân (bao), giống các nhóm Cơ ho khác, hôn nhân người Cơ ho Srê dựa trên nguyên tắc một vợ một chồng. Trong hôn nhân, người con gái đóng vai trò chủ động (*bắt chồng – kup bao*), nguyên tắc ngoại hôn dòng họ mẹ ở nhóm này hết sức chặt chẽ. Sau hôn nhân người con trai về cư trú bên vợ. Trong hôn nhân, luật tục người Cơ ho Srê rất nghiêm khắc với các tội loạn luân, ngoại tình.

Luật tục (Nri), vô cùng phong phú, là cơ sở để điều chỉnh hành vi và duy trì trật tự của bòn.

- *Văn hóa truyền thống của người Cơ ho Srê*

Văn hóa vật chất

Ăm thực, lương thực chính trong bữa ăn hàng ngày là cơm (*piang*), bên cạnh đó người Cơ ho Srê còn sử dụng một số loại ngũ cốc khác như: bắp, khoai, sắn, củ rừng... Thực phẩm là các loại rau quả trồng như bầu, bí, dưa, cà... các loại rau rừng. Thịt từ chăn nuôi: trâu, dê, lợn, gà... ít được sử dụng trong bữa ăn hàng ngày mà chủ yếu dùng để hiến sinh trong các dịp cúng tế của gia đình hoặc tiếp khách. Thức uống tự nhiên là nước suối, nước mưa được đựng trong các vỏ trái bầu, trong chum. Rượu cần (*tornôm*) là thức uống được tạo ra vừa mang ý nghĩa vật chất vừa mang ý nghĩa tinh thần. Rượu rất được ưa chuộng trong các lễ tiệc, hội hè, được chế biến từ gạo, ngô, sắn...

Nhà cửa, ngôi nhà dài từ 60 đến 80 m, rộng khoảng 10m là nơi cư trú của các gia đình hạt nhân. Những ngôi nhà sàn làm bằng tre. Mỗi nhà dài đều có chỗ tiếp khách chung cho cả nhà và thường sát với chỗ ở của người có địa vị cao nhất. Bên trong, các ngôi nhà được chia thành các khu vực tiểu gia đình, chia bằng các vách ngăn hai bên có lối đi dài thông nhau ở giữa. Bên cạnh ngôi nhà dài để ở họ còn làm nhà kho chứa lúa và nông cụ, nhà sản phụ. Nhà sàn ngắn (*hiu pàng*), là nơi cư trú của một tiểu gia đình ra riêng, hoặc gia đình không có con cái.

Trang phục, trang phục thường nhật nam giới đóng khố, nữ giới Cơ ho Srê mặc váy, phần từ thắt lưng trở lên cả nam nữ đều để trần. Váy của phụ nữ Cơ ho Srê gọi là *ùi*, là một tấm vải được dệt theo khổ khá rộng, người mặc quấn quanh người hơn một vòng và giắt cạp. Nền váy màu đen trên đó có những dải hoa văn màu trắng, đỏ... dọc theo thân váy. Đối với các dịp nghi lễ, mọi người mặc áo chèn được trang trí theo các kiểu dáng hình học và được trang trí bắt mắt. Trang sức của phụ nữ Cơ ho Srê là những chiếc vòng đeo tai bằng gỗ, đồng...

Công cụ sản xuất truyền thống, bao gồm: rìu (*sùng*), xà gạc (*yoas – giống cái rựa*), gậy chọc lỗ tra hạt (*chrmul*), dao (*pês*), liềm (*mó*)...; công cụ canh tác lúa nước có cuốc (*põ*), xà bách, cày (*ngal*), bừa răng gỗ (*sokam*) và cây kor (dùng để trang đất cho bằng phẳng).

Văn hóa tinh thần

Tín ngưỡng vạn vật hữu linh, trong hệ thống các linh thần (*yàng*) của người Cơ ho Srê là thần tối cao (*yàng Ndu*) và rất nhiều các vị thần khác. Người Cơ ho Srê tin rằng vạn vật đều linh thiêng, đều có linh hồn, những tảng đá nổi bật, một số động vật nhất định, chẳng hạn như hổ, ché rọu, ngôi nhà... Bên cạnh thần linh, người Cơ ho Srê còn tin có ma quỷ (*cà rək*) là nguyên nhân gây ra những điều xui xẻo như tai nạn, bệnh tật và cái chết... ma rừng, ma nước...

Tín ngưỡng liên quan cây lúa, lễ nghi với nông nghiệp quan trọng nhất của người Cơ ho Srê là Nô lư vong (Uống mừng đây kín bờ lúa). Ngoài ra, còn có các nghi lễ khác liên quan đến chu kỳ cây lúa nước như, khi đồng ruộng được dọn sạch và đốt cháy (*Nô ku rohe*), khi lúa sạ (*Nô lòng kòl*), trong giai đoạn phát triển, cầu mưa, mùa màng tốt tươi (*Nô wèr*) và khi thu hoạch...

Tang ma, người Cơ ho nói chung, nhóm Cơ ho Srê nói riêng chia cái chết thành hai loại – cái chết tự nhiên và cái chết được coi là tai nạn hoặc do sinh nở. Kiểu chết thứ hai, được cho là do ma quỷ gây ra. Người Cơ ho coi cái chết có ý nghĩa quan trọng, vì thế có các nghi thức theo phong tục truyền thống.

Nghi lễ sinh đẻ (deh dùh) và đặt tên (tomoh mắt kòn), trong niềm tin của mình, người Cơ ho Srê tin rằng, một người phụ nữ tuyệt vời là vừa đẹp nét, đẹp người, giỏi giang việc nhà và đặc biệt có khả năng sinh đẻ và chăm sóc con cái. Họ coi việc sinh con đầu lòng là hệ trọng trong cuộc đời người phụ nữ và trong hôn nhân. Vì thế, gắn với việc sinh đẻ, người Cơ ho Srê có những lễ thức, phong tục tập quán riêng cho từng thời kỳ, từ khi có thai cho đến khi đẻ.

Văn học dân gian, rất phong phú và đa dạng, là các câu chuyện ca ngợi tình yêu quê hương, đôi lứa, lý giải hình thành tộc người, làm ruộng nước... *Gơ Plom Kòn Yòi, Huyền thoại núi Brăh Yang...*

Tiểu kết chương 1

Trong luận án, chúng tôi sử dụng các lý thuyết cơ bản: *thuyết phát triển, thuyết biến đổi xã hội và thuyết phát triển bền vững* để nghiên cứu những chuyển biến kinh tế, xã hội của người Cơ ho Srê ở tỉnh Lâm Đồng từ năm 1975 - 2015. Các lý thuyết này nêu lên mối quan hệ biện chứng giữa chuyển biến kinh tế và chuyển biến xã hội, sự phát triển trong kinh tế, khoa học – kỹ thuật... dẫn đến những thay đổi về xã hội, cụ thể trong luận án là sự thay đổi về tổ chức xã hội: gia đình, dòng họ, bòn của người Cơ ho Srê, và đến lượt mình, sự thay đổi trong tổ chức xã hội cũng tác động ngược lại đến sự chuyển biến kinh tế.

Chương này còn khái quát điều kiện tự nhiên, xã hội tỉnh Lâm Đồng; các đặc điểm cơ bản về kinh tế, tổ chức xã hội, văn hóa truyền thống người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng.

Về kinh tế: kinh tế truyền thống của người Cơ ho Srê mang đậm tính tự cung, tự cấp, còn nhiều khó khăn, bấp bênh. Tuy nhiên, với nghề trồng lúa nước ổn định, đóng vai trò chủ đạo trong cung cấp lương thực, bên cạnh đó hoạt động nương rẫy, chăn nuôi, săn bắt, hái lượm cũng đóng góp một phần quan trọng trong đời sống giúp ổn định cộng đồng cư dân, bảo tồn nguồn tài nguyên rừng.

Về xã hội: sống ổn định trong các bòn gần ruộng nước, bòn có một hai dòng họ, dòng họ đóng vai trò lớn, được coi trọng, vai trò của ông cậu. Họ sống trong các đại gia đình mẫu hệ, phụ nữ chủ động trong hôn nhân, người mẹ có toàn quyền sở hữu tài sản. Vai trò của cá nhân thấp hơn vai trò của gia đình, nên gia đình phải chịu trách nhiệm về những hành vi của cá nhân.

Việc hệ thống những đặc trưng kinh tế, tổ chức xã hội, văn hóa truyền thống, nhất là về kinh tế và tổ chức xã hội sẽ giúp luận án có những phân tích, đánh giá hợp lý trong các chương sau.

CHƯƠNG 2. KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA NGƯỜI CƠ HO SRÊ Ở LÂM ĐỒNG TỪ 1975 - 1986

2.1 Hoàn cảnh lịch sử

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 toàn thắng, đất nước thống nhất, mở ra một bước ngoặt vĩ đại về thiết lập quyền làm chủ của nhân dân, đưa cả nước quá độ lên CNXH, phấn đấu đi tới một xã hội dân chủ, công bằng và văn minh. Đây là giai đoạn diễn ra 2 kỳ Đại hội IV và V của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là giai đoạn cả nước khắc phục hậu quả chiến tranh, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất cho chế độ mới. Trong giai đoạn này, đối với khu vực Tây Nguyên, Đảng và Nhà nước thực hiện chính sách di dân xây dựng vùng “kinh tế mới”, chính sách định canh, định cư,... Những chính sách đó tác động Tây Nguyên nói chung và vùng người DTTS nói riêng trong đó có nhóm người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng.

2.2 Kinh tế của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng từ 1975 - 1986

2.2.1. Trồng trọt (tam phần)

Trồng lúa nước (*kòì sre*) là hoạt động trồng trọt chính của người Cơ ho Srê, ngoài ra còn từ các hoạt động nương rẫy: lúa rẫy (*kòì mìr*), khoai, sắn, ngô, đậu... Sau năm 1975 đến trước đổi mới (1986), để đảm bảo lương thực, hoạt động trồng lúa nước, lúa rẫy và trồng màu đậm nét trong sinh hoạt kinh tế của họ.

Trồng lúa nước, từ năm 1976, diện tích lúa nước tăng lên, các gia đình có đất sản xuất đều có đất trồng lúa. Bên cạnh một số giống lúa truyền thống của mình, người Cơ ho Srê tiếp nhận thêm các giống lúa mới từ người Kinh. Sau 1975, mùa vụ được rút ngắn hơn (khoảng cuối tháng 10, đầu tháng 11 dương lịch là hoàn thành việc thu hoạch). Công tác thủy lợi được chú trọng, nhiều nơi người Cơ ho Srê trồng hai vụ lúa. Kỹ thuật trồng trọt lúa nước của người Cơ ho Srê từng bước thay đổi. Một số cánh đồng có sử dụng máy cày dù chưa phổ biến, việc sử dụng trâu quần để làm ruộng không còn, chủ yếu người ta sử dụng cày, bừa bằng sức kéo của trâu đôi. Việc chăm sóc cây lúa được thực hiện nhiều hơn, người Cơ ho Srê bắt đầu biết làm cỏ, dặm lúa, bón phân, phun thuốc... Giai đoạn 1975 - 1986, trồng lúa là nguồn thu chính, giúp nuôi sống gia đình người Cơ ho Srê.

Trồng trọt nương rẫy, sau năm 1975, do sức ép của chính sách di dân và Nhà nước tổ chức khai hoang ở nhiều nơi nên làm cho diện tích rẫy của người DTTS tại chỗ giảm, việc luân khoảnh từng bước chuyển sang rẫy cố định. Bên cạnh trồng các loại lương thực, rau màu nói trên người ta còn trồng bo bo (*mbo*), cao lương... một số loại cây ăn quả mới cũng được đưa vào trồng trên nương như dưa hồng, dưa chuột, đu đủ... Kỹ thuật canh tác ngày được cải tiến theo hướng chuyên canh, thâm canh, việc sử dụng phân bón phổ biến hơn. Hầu hết các gia đình đều có công cụ thủ công để lao động, đây là bước tiến lớn, nhất là tỷ lệ cày, bừa giúp các gia đình chủ động hơn cho trồng trọt.

Trong hoạt động làm ruộng nước và nương rẫy, Nhà nước đã cho thành lập các tổ vằn, đổi công để giúp nhau sản xuất.

Trồng trọt vườn, sau năm 1975, trên đất vườn quanh nhà người Cơ ho Srê chủ yếu trồng màu, rau... Từ những năm 1981 - 1982, nhiều rẫy chuyển dần sang hình thức vườn chuyên canh cây công nghiệp, hình thành nhiều vườn cà phê, hoặc màu...

Nhìn chung, giai đoạn 1975 - 1986, cây lúa nước vẫn là cây trồng chủ đạo của người Cơ ho Srê, người dân đã có những áp dụng mới trong kỹ thuật canh tác, giống... giúp năng suất tăng lên. Hoạt động nương rẫy từ luân khoảnh chuyển dần sang rẫy cố định, trồng trọt vườn có nhiều thay đổi khi cây cà phê

xuất hiện trong cơ cấu cây trồng của người Cơ ho Srê, tuy nhiên sự phát triển đó chưa tạo nên bước đột phá về năng suất và hiệu quả cây trồng, vườn cây công nghiệp vì thế vẫn chưa thể thay thế được trồng lúa, nhất là lúa nước.

2.3.2 Chăn nuôi (ròng siam)

Bên cạnh các vật nuôi truyền thống: trâu, dê, heo đen, gà, vịt xiêm... một số hộ gia đình bắt đầu nuôi bò, các giống heo mới... nhưng chưa nhiều. Thay đổi lớn nhất trong thời kỳ này so với trước ngày đất nước thống nhất đó là gia súc trâu, dê... đã được nuôi nhốt chuồng và có người chăn dắt. Mục đích chăn nuôi, con trâu và các vật nuôi khác ngoài phục vụ nghi lễ, sản xuất nông nghiệp là chính đã từng bước mang ra thị trường trao đổi và cải thiện đời sống.

2.3.3 Nghề thủ công (loh mơ tê)

Sau năm 1975, nghề đan lát không có nhiều thay đổi trong đời sống người Cơ ho Srê, hầu hết đàn ông, đàn bà đều biết đan lát để tự trang bị vật dụng trong gia đình của mình, từ bồ đựng lúa (*vong*), gùi (*sơ, sah*), rỏ (*nir*), chiếu (*bêl*)... phụ nữ đan chiếu rất giỏi, đẹp. Riêng nghề rèn, sau 1975, do sự xuất hiện của một số thợ rèn người Kinh nên số thợ rèn người Cơ ho Srê cũng giảm, nhiều bòn chỉ còn 1 – 2 lò rèn, nhưng không hoạt động thường xuyên. Đối với nghề ủ rượu cần, nhiều gia đình người Cơ ho Srê vẫn duy trì thói quen này để phục vụ cho các nghi lễ trong gia đình, cũng như tiếp khách.

2.3.4 Săn bắt, hái lượm (mòc cup, pic khòm)

Sau năm 1975, việc săn thú, bắt cá, các loại sinh vật khác và hái lượm các loại rau truyền thống như rau bếp, măng, đọt mây, nấm, các loại chuối rừng, củ mài... vẫn đóng vai trò quan trọng trong bữa ăn người Cơ ho Srê. Điều này cho thấy sự lệ thuộc vào tự nhiên trong hoạt động kinh tế của người Cơ ho Srê còn rất lớn.

2.3.5 Hoạt động trao đổi, mua bán

Sau năm 1975, hoạt động buôn bán, trao đổi có nhiều thay đổi. Người Cơ ho Srê có thể tham gia vào hệ thống chợ xã, huyện hay những người buôn bán hàng rong, các đại lý, cửa hàng buôn bán nhu yếu phẩm, cửa hàng thu mua nông sản. Cách thức trao đổi buôn bán được thực hiện là hàng – tiền – hàng.

2.3 Tổ chức xã hội của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng từ 1975 - 1986

2.3.1 Bòn (làng)

Sau năm 1975, bòn của người Cơ ho Srê được di dời lên các khu vực khô ráo hơn. Số nhà ở bòn tăng lên, có nơi gần 100 nóc. Mỗi bòn rộng khoảng vài ba cây số vuông, vị trí thuận lợi để có thể ra đồng trồng lúa hoặc đi nương rẫy, vẫn dựa vào giếng chung. Sau năm 1975, Nhà nước từng bước xác lập bộ máy chính quyền cơ sở, tuy vậy, bòn của người Cơ ho Srê vẫn còn tính cộng đồng và thiết chế tự quản cao vì thế vai trò của chủ làng vẫn ảnh hưởng lớn trong bòn.

2.3.2 Dòng họ (joi nòi)

Sau năm 1975, ngoài các họ lâu đời người Cơ ho Srê còn xuất hiện thêm họ khác tách ra từ những dòng họ lớn. Dòng họ vẫn đóng vai trò rất lớn trong xã hội người Cơ ho Srê, vì thế, mối quan hệ họ hàng luôn được coi trọng, trong đó vai trò của trưởng họ, các ông cậu rất quan trọng.

2.3.3 Gia đình (hiu bonhă)

Sau năm 1975, đại gia đình mẫu hệ nhiều thế hệ dần mất đi các tiểu gia đình 1 - 2 thế hệ tăng lên, phân công lao động, quyền sở hữu tài sản của người mẹ, vai trò của con gái trong gia đình không có nhiều thay đổi.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 hệ thống những nét chính của hoàn cảnh lịch sử trong nước và địa phương cũng như những chính sách của Đảng và Nhà nước đối với Tây Nguyên và người DTTS tại chỗ đây chính là những tiền đề quan trọng cho chuyển biến kinh tế và tổ chức xã hội người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng. Trong chương này luận án phân tích thực trạng kinh tế, tổ chức xã hội giai đoạn 1975 - 1986:

Về kinh tế: trong trồng trọt, hoạt động trồng lúa nước thay đổi so với trước năm 1975, diện tích canh tác được mở rộng, một số nơi có hệ thống thủy lợi nhỏ đã làm được hai vụ lúa. Kỹ thuật canh tác thay đổi trong chọn giống lúa, chăm sóc, bón phân, thu hoạch... Năng suất lúa tăng lên, góp phần ổn định nguồn lương thực tại chỗ. Đất đai từng bước không còn là sở hữu của bòn, vì thế hoạt động nương rẫy chuyển đổi dần từ luân khoảnh sang rẫy cố định, trồng lúa rẫy, rau, màu theo hướng chuyên canh. Đây là chuyển biến tích cực và phù hợp khi quỹ đất giảm đi, dân số tăng lên và trong điều kiện cần bảo vệ rừng và môi sinh. Sự thay đổi lớn trong cơ cấu cây trồng là xuất hiện các vườn chuyên canh cây cà phê, chè, các gia đình bước đầu làm quen với các kỹ thuật trồng và chăm sóc cây công nghiệp. Các loại hình kinh tế khác như thủ công nghiệp, săn bắn, hái lượm vẫn là những hoạt động không thể thiếu, mang tính thời vụ và bổ trợ cho trồng trọt, cho đời sống của các hộ gia đình.

Chăn nuôi có những thay đổi dù nhỏ, đàn trâu vẫn được duy trì và phát triển, được làm chuồng trại nuôi nhốt, xuất hiện thêm một số giống heo, vịt mới. Sản phẩm chăn nuôi ngoài việc dùng trong hoạt động nông nghiệp (trâu), hiến tế, cải thiện bữa ăn... thì trao đổi để mua các sản phẩm khác phổ biến hơn trước. Các hoạt động kinh tế khác vẫn duy trì và không có nhiều thay đổi.

Về xã hội, từ 1975 - 1986, dù sở hữu đất đai của bòn mất dần, nhưng nó vẫn còn vị thế lớn, chủ làng (*kuãng bri phê bòn*), trưởng họ (*kôn pàng*) có vai trò hết sức quan trọng trong duy trì trật tự, phong tục tập quán, hướng dẫn bà con sản xuất... Chính quyền các mạng chú ý nhiều hơn vấn đề này, duy trì song song vai trò của trưởng thôn (*pùa bòn*) đồng thời chú trọng vai trò của các già làng, trưởng họ. Họ hàng của người Cơ ho Srê vẫn là một phần không thể tách rời trong đời sống của bòn, trước những khó khăn, nổi lên vai trò của trưởng họ và các ông cậu (*kôn*). Đại gia đình mẫu hệ cư trú dưới những mái nhà dài cũng dần được thay thế bằng các tiểu gia đình. Người mẹ có vai trò chính trong nuôi dạy con, vun vén cho đời sống gia đình “trong âm, ngoài êm”, còn người bố, là trụ cột gia đình trong sản xuất kinh tế. Quan niệm gia đình phải có con gái vẫn còn hết sức sâu sắc, con gái út, là người được bố mẹ ở cùng khi về già như phong tục ngàn xưa.

Bên cạnh những yếu tố tích cực, trong hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại. Trong kinh tế, một số hộ gia đình người Cơ ho Srê tham gia HTX, TĐSX một cách miễn cưỡng, khiến nhiều diện tích lúa nước bị bỏ hoang. Việc phát triển cây cà phê, chè còn hạn chế, số cây trồng bị chết nhiều, năng suất không cao, hiệu quả kinh tế mang lại còn thấp. Chăn nuôi còn mang đậm tính tự túc, tự cấp với tập quán thả rông, ít chăm sóc, chưa thật sự xem chăn nuôi là hàng hóa bán ra thị trường. Trong tổ chức xã hội, đất đai trở thành sở hữu nhà nước nên quyền sở hữu đất đai của các bòn không còn, các hộ gia đình chỉ còn đất trồng lúa và một ít đất rẫy. Điều này khiến cho quan hệ trong bòn và vai trò của chủ làng không còn như trước, dẫn đến các tri thức bản địa về sản xuất, quản lý xã hội và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên giảm đi.

Nhìn chung, những chuyển biến về kinh tế, tổ chức xã hội của người Cơ ho Srê ở giai đoạn này chưa thật sự sâu sắc, nhưng là một giai đoạn trung gian chuyển tiếp cho một cuộc vận động to lớn, mạnh mẽ hơn ở giai đoạn kế tiếp khi Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, bắt đầu từ Đại hội VI (12/1986).

CHƯƠNG 3. KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA NGƯỜI CƠ HO SRÊ Ở LÂM ĐỒNG TỪ NĂM 1986 ĐẾN NĂM 2015

3.1 Hoàn cảnh lịch sử

Công cuộc đổi mới từ năm 1986 (Đại hội VI) đưa đất nước ta từng bước thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế, xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Đảng và Nhà nước có nhiều chủ trương, chính sách tác động đến kinh tế, xã hội nói chung và đối với người DTTS nói riêng, tạo điều kiện cho kinh tế, xã hội phát triển. Trong bối cảnh chung đó, rất nhiều hộ gia đình DTTS ở nước ta, trong đó có người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng đã được trợ giúp kịp thời về những nhu cầu tối thiểu của đời sống và sản xuất. Kinh tế, xã hội người Cơ ho Srê chuyển biến sâu sắc, từng bước xóa đói giảm nghèo, góp phần phát triển kinh tế bền vững, xã hội ổn định.

3.2 Kinh tế của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng từ 1986 - 2015

3.2.1 Trồng trọt (tam phân)

Nghề trồng lúa nước, có điều kiện phát triển, vùng chuyên canh lúa nước được mở rộng. Công tác thủy lợi ngày càng phát triển nên thâm canh, tăng vụ hiệu quả, nhiều nơi trồng 2 vụ lúa (Hè - Thu, và Đông - Xuân), quá trình cơ giới hóa trong trồng lúa nước diễn ra khá nhanh chóng, việc sử dụng trâu làm sức kéo trong khâu làm đất dần thay thế bởi máy móc. Các kỹ thuật trong chăm sóc cây lúa như bón phân, phun thuốc sâu, thuốc cỏ, dặm lúa, làm cỏ, chọn giống... được áp dụng phổ biến. Sản lượng lúa tăng lên, góp phần quan trọng trong xóa đói, giảm nghèo ở người Cơ ho Srê, từ những năm 1990 trở đi sản xuất lúa nước không chỉ đủ ăn cho các hộ gia đình mà còn được bán ra bên ngoài.

Trồng trọt vườn và nương rẫy có sự chuyển đổi mạnh mẽ trong mục đích sử dụng đất và chuyển dịch cơ cấu cây trồng, việc trồng cà phê và chuyên canh rau, hoa... thương phẩm, phục vụ thị trường. Thói quen xen canh, đa canh nhiều loại cây, họ đã chuyển dần sang thâm canh cây công nghiệp, chủ yếu là cà phê. Kỹ thuật canh tác thay đổi, cào bừa, làm cỏ bón phân, tưới nước, cắt tỉa cành, ghép cây... thay thế cho chọc lỗ, tra hạt, không phân bón và dựa vào nước trời... công cụ sản xuất có sự cơ giới hóa nhanh chóng, từ khâu làm đất, cho đến khâu thu hoạch, xay sát, vận chuyển.

Nhìn chung, hoạt động trồng trọt của người Cơ ho Srê đã có sự chuyển đổi mạnh so với trước. Mặc dù cây lúa nước vẫn là loại cây lương thực chủ đạo của người dân nhưng tỷ trọng giảm hẳn so với với cây công nghiệp dài ngày, bên cạnh đó trồng rau, màu, hoa... cũng từng bước đóng vai trò quan trọng đối với các hộ gia đình.

3.2.2 Chăn nuôi (ròng siam)

Hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm ở người Cơ ho Srê có chuyển biến nhưng còn chậm. chủ yếu các giống gia súc, gia cầm có từ trước đổi mới, bổ sung thêm các giống mới như, bò Shind, bò sữa, heo thương phẩm... nhưng những giống mới chưa được phát huy tốt, trong khi đó các giống vật nuôi truyền thống nhất là trâu, dê giâm sút. Chăn nuôi từng bước chuyển dịch theo cơ chế thị trường. Tuy nhiên, chăn nuôi có vai trò chưa cao trong sinh hoạt kinh tế của các hộ gia đình và chiếm tỷ trọng nhỏ so với trồng trọt. Đa phần phần chăn nuôi nhỏ lẻ, manh mún ở từng hộ gia đình, không nhiều hộ phát triển thành các trang trại chăn nuôi tập trung. Chưa có sự phân công lao động giữa trồng trọt và chăn nuôi.

3.2.3 Nghề thủ công (lơ mơ tê)

Nghề đan lát còn duy trì ở một số hộ gia đình, ngoài đan lát phục vụ gia đình còn bán ra thị trường. Nghề rèn giám sát và mất dần.

3.2.4 Hoạt động trao đổi mua bán (kả vơ), dịch vụ

Người Cơ ho Srê từng bước quen với hoạt động hàng – tiền – hàng. Bên cạnh các sản phẩm từ cây công nghiệp, chăn nuôi đại gia súc, lúa gạo... mang bán cho các đại lý, thương nhân... để mang về khoản tiền lớn để đầu tư sản xuất, sửa sang nhà cửa, con cái học hành, họ còn biết mang sản phẩm rau, củ, quả trồng trong vườn, xen canh trong rẫy, heo, gà trong vườn, hoặc sản phẩm săn bắt, hái lượm... của mình ra chợ bán với hình thức nhỏ lẻ để trang trải hằng ngày cho gia đình. Ngoài ra, một số hộ gia đình còn làm các dịch vụ như hàn sắt, cho thuê xe dịch vụ, chõ hàng hóa thuê, thụ tinh heo bò, xay sát lúa gạo...

3.2.5 Các hình thức sinh kế khác

Giai đoạn 1986 - 2015, ngày càng nhiều người Cơ ho Srê tham gia vào tổ chức Đảng, bộ máy chính quyền, nhiều người học hành làm bác sĩ, giáo viên... trở thành công chức, viên chức nhà nước. Ngoài ra, một bộ phận làm thuê kiếm sống, một bộ phận làm công nhân tại địa phương... Săn bắt, hái lượm vẫn duy trì ở nhiều gia đình như là hoạt động cải thiện bữa ăn, cải thiện đời sống.

Tóm lại, giai đoạn 1986 - 2015, hoạt động kinh tế hộ gia đình người Cơ ho Srê nhất là trong trồng trọt đã có những chuyển biến mạnh mẽ so với truyền thống. Sự chuyển biến này được thể hiện trên nhiều khía cạnh, trong đó nổi bật nhất là sự xuất hiện của cây công nghiệp (cà phê) trong danh mục cây trồng của hộ. Các hộ gia đình đã xác định lại cơ cấu vùng sản xuất, chuyển nền sản xuất tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hoá, tận dụng điều kiện tự nhiên để hình thành vùng sản xuất hàng hoá như cà phê, hoa màu. Trong chăn nuôi đại gia súc, dù số lượng hộ nuôi ít nhưng đã chuyển hướng sang mục đích chính là hàng hóa cung cấp ra thị trường. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng kéo theo sự thay đổi trong kỹ thuật canh tác, công cụ sản xuất của hộ gia đình. Bên cạnh đó, xuất hiện thêm một số hoạt động mới như buôn bán, dịch vụ; công nhân, công chức, viên chức,... nhiều hơn. Tuy nhiên, dù chuyển biến mạnh mẽ những phải khẳng định rằng trồng trọt vẫn là hoạt động kinh tế đóng vai trò chủ đạo trong cơ cấu kinh tế hộ gia đình người Cơ ho Srê. Dù làm ngành nghề gì người Cơ ho Srê không tách rời khỏi nông nghiệp, hầu hết họ đều giữ cho mình thửa ruộng, mảnh vườn để trồng lúa, cà phê, hoa màu...

3.3 Tổ chức xã hội của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng từ 1986 - 2015

3.3.1 Bòn (làng)

Bòn của người Cơ ho Srê không còn là đơn vị kinh tế khép kín, mang đậm tính tự quản như trước, mỗi bòn tương ứng với một thôn, khu phố của tổ chức hành chính Nhà nước. Hầu hết các bòn đều dựa vào sự thuận tiện của giao thông, mỗi bòn đều có cổng chào (cổng thôn), có nhà sinh hoạt cộng đồng. Việc xen cư giữa các tộc người trong bòn ngày càng trở nên phổ biến. Vai trò của trưởng thôn ngày càng tăng lên, vai trò của chủ làng ngày càng giảm, chủ yếu đóng vai trò tinh thần. Các tổ chức người có uy tín do nhà nước lập ở các bòn phát huy tác dụng trong xây dựng bòn vững mạnh. Luật lệ được duy trì những nội dung tiến bộ như là biện pháp để xây dựng thiết chế tự quản cộng đồng, điều chỉnh hành vi của người dân trong bòn.

3.3.2 Dòng họ (joi nòi)

Bên cạnh các dòng họ lâu đời, người Cơ ho Srê còn có thêm các họ khác là các chi nhỏ tách ra từ dòng họ lớn. Trong truyền thống các dòng họ thường sống tập trung ở các khu vực riêng

nhưng hiện nay sống xen kẽ, cộng cư giữa các dòng họ và với các cư dân khác theo quan hệ láng giềng. Dù vậy, mối quan hệ dòng họ vẫn được người Cơ ho Srê hết sức coi trọng và được duy trì thường xuyên. Vai trò của trưởng họ và các ông cậu còn rất lớn, họ à người duy trì luật tục, những phong tục tập quán trong họ hàng mình, họ nhắc con cháu biết tổ, biết tông, tôn ti trật tự, yêu thương nhau.

3.3.3 Gia đình (hìu bonhă)

Giai đoạn 1986 - 2015, gia đình người Cơ ho Srê có nhiều chuyển biến, đại gia đình mẫu hệ với nhiều thế hệ dần thay thế bằng các tiểu gia đình mẫu hệ với một, hai thế hệ. Vai trò của người chồng đối với các việc quan trọng trong gia đình tăng lên. Do sự chuyển biến trong sản xuất kinh tế, cũng như sự giảm đi của số lượng con cái trong gia đình, nên sự phân công gia đình giữa vợ và chồng trong lao động cũng thay đổi, các hoạt động kinh tế hầu hết có sự tham gia chung của cả vợ và chồng. Quan niệm về gia đình ít con để dễ chăm sóc ngày càng phổ biến. Tuy nhiên, quan niệm gia đình phải có con gái vẫn còn sâu sắc. Đặc biệt, trong giai đoạn này, kinh tế hộ gia đình người Cơ ho Srê có sự phát triển nhanh, đời sống người dân ngày càng tốt hơn, số hộ nghèo ngày càng giảm, các gia đình có điều kiện để chăm sóc và nuôi dạy con cái tốt hơn.

Tiểu kết chương 3

Sau Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (12/1986), Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, phát triển kinh tế hàng hóa, từng bước xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ 1986 - 2015, đất nước từng bước thoát khỏi khủng hoảng, sức sản xuất được “cởi trói”, kinh tế không ngừng phát triển, đời sống các tộc người không ngừng được nâng lên. Trong bối cảnh chung đó, tại Lâm Đồng, người Cơ ho Srê đã có những chuyển biến ngoạn mục trong kinh tế, xã hội từng bước thoát đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống, tăng cường mức hưởng thụ xã hội.

Về kinh tế, trên bình diện chung đó là sự chuyển đổi nền kinh tế tự cấp, tự túc sang nền kinh tế hàng hóa, với kinh tế hộ gia đình đóng vai trò trung tâm. Ruộng đồng được mở mang, cây lúa nhiều nơi thâm canh hai vụ, quá trình cơ giới hóa nông nghiệp mạnh mẽ, năng suất lúa không ngừng tăng lên, đảm bảo vấn đề an ninh lương thực, nạn đói từng bước đẩy lùi, người dân không chỉ sản xuất đủ dùng mà còn trao đổi với bên ngoài. Cơ sốt cây công nghiệp - nhất là cây cà phê, cuối những năm 80 đến đầu những năm 90 (thế kỷ XX), thúc đẩy kinh tế hàng hóa phát triển nhanh trong cộng đồng người Cơ ho Srê. Cây cà phê, đã đưa nhiều gia đình không chỉ xóa nghèo mà còn trở nên khá giả, có những xã đồng người Cơ ho Srê sinh sống trở thành xã giàu có, như Tân Châu (Di Linh) - xã được phong Anh hùng lao động năm 2000. Tuy nhiên, sự phát triển ồ ạt của cây cà phê những năm 1990 đã làm cho giá cà phê những năm 2000 trở đi bị chững lại, có thời điểm rất thấp. Sự tác động này, buộc người Cơ ho Srê ở những nơi có diện tích canh tác ít chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi... những rẫy cà phê dần được thay thế bằng hoa, rau... hoặc theo hướng công nghệ cao, đây là hướng đi mới trong điều kiện đất nông nghiệp ngày càng giảm.

Không có nhiều thay đổi như trong trồng trọt, nhưng chăn nuôi cũng có những gợi ý đáng quan tâm, việc chăn nuôi các giống vật nuôi truyền thống giúp cải thiện bữa ăn, bữa chợ... còn xuất hiện các mô hình chăn nuôi thương phẩm (heo thịt, bò thịt, bò sữa...) là hướng đi cần quan tâm trong tương lai đối với người Cơ ho Srê.

Sự phát triển kinh tế, sự tác động của những thay đổi trong quá trình CNH, HĐH đất nước mở cửa, hội nhập đã làm cho tổ chức xã hội truyền thống của người Cơ ho Srê thay đổi. Bòn - đơn vị kinh

tế, xã hội tương đối độc lập bị phá vỡ, vai trò của chủ làng, ngày càng phai mờ, bởi họ không còn là ông chủ của làng (*kuǎng bòn*), chủ đất (*kuǎng ù* hay *tòm ù*), chủ rừng (*kuǎng brê*), việc cai quản chia đất không còn là việc của *bomoh boh brê (ù)*... khi quyền sở hữu đất đai thuộc về nhà nước. Tuy nhiên, uy tín của họ được Nhà nước khéo léo phát huy cùng với những giá trị của luật tục (*nri*) để duy trì trật tự bòn, góp phần xây dựng bòn vững mạnh, yên bình.

Cùng với bòn, dòng họ với những giá trị to lớn của mình, phát huy tình đoàn kết, tương trợ... trong họ hàng, gia đình từ kinh tế đến các giá trị truyền thống khác. Gia đình người Cơ ho Srê với những thay đổi lớn của kinh tế, cũng có nhiều chuyển biến, khi đại gia đình mẫu hệ tan rã, thay thế bằng các tiểu gia đình với vai trò của người đàn ông ngày tăng lên, biểu hiện ở “quyền lực kinh tế” và “quyền lực xã hội”. Sự giàu có của gia đình người Cơ ho Srê không còn đo bằng nhiều trâu, nhiều ruộng, nhiều chum chóc... mà thể hiện ở vườn cà phê rộng, nhà lớn, xe đẹp, con cái được học hành... và hơn nữa là địa vị xã hội của đàn ông.

Có thể thấy, những chuyển biến kinh tế, xã hội của người Cơ ho Srê từ 1986 - 2015 theo hướng tích cực, nhưng vẫn còn những điểm tồn tại, hạn chế, trên bình diện từng hộ gia đình nền kinh tế vẫn còn tàn tích của tự cấp, tự túc; là sự chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi chậm; là việc thoát nghèo chưa bền vững; những giá trị truyền thống trong xã hội có dấu hiệu rạn vỡ...

CHƯƠNG 4. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI BỀN VỮNG TRONG CỘNG ĐỒNG NGƯỜI CƠ HO SRÊ Ở LÂM ĐỒNG

4.1 Nhận xét về chuyển biến kinh tế, xã hội người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng từ 1975 - 2015

4.1.1 Thành tựu và nguyên nhân

4.1.1.1 Thành tựu tiêu biểu

Về kinh tế: Từ năm 1975 - 2015, kinh tế người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng với hai giai đoạn cơ bản. Giai đoạn từ 1975 - 1986, trồng trọt lúa nước có những thay đổi đáng kể, công trình thủy lợi được chú trọng giúp nhiều nơi thâm canh 2 vụ, phân bón bước đầu được người Cơ ho Srê sử dụng, giúp năng suất lúa tăng lên,... Trong chăn nuôi, đàn trâu, dê vẫn duy trì và phát triển ổn định,... góp phần tạo niềm tin của đồng bào vào chế độ mới.

Từ 1986 - 2015, đây là giai đoạn đất nước chuyển mình nhanh sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, quá trình CNH, HĐH diễn ra nhanh chóng, khoa học kỹ thuật được áp dụng vào trong đời sống và sản xuất. Trồng trọt từ tự cấp, tự túc lương thực của người Cơ ho Srê chuyển đổi sang kinh tế hàng hóa, phục vụ cho thị trường tiêu dùng trong và ngoài nước với cây cà phê là chủ lực. Bên cạnh đó, cây lúa nước - cây trồng truyền thống của người Cơ ho Srê với kỹ thuật trồng trọt tiến bộ, năng lực thâm canh cao nên năng suất lúa ngày càng ổn định, đảm bảo việc “xóa đói” cho các hộ gia đình. Bên cạnh hai cây trồng chủ lực lúa, cà phê, trong các năm sau, nhiều nơi các hộ gia đình Cơ ho Srê chuyển dịch từng bước cơ cấu cây trồng, trồng rau màu, hoa... một số hộ bước đầu áp dụng kỹ thuật trồng trọt theo hướng công nghệ cao. Trong chăn nuôi, bên cạnh các loại vật nuôi truyền thống hộ gia đình người Cơ ho Srê, còn có thêm các vật nuôi mới như bò thịt, bò sữa, heo thương phẩm... Một số hoạt động thủ công có yếu tố du lịch, dịch vụ như đan lát... Nhiều lĩnh vực nghề nghiệp mới như công chức, viên chức, giáo viên, bác sĩ, kỹ sư... Các gia đình cũng đã có những bước tiến dù còn chậm trong lĩnh vực thương nghiệp, buôn bán, dịch vụ...

Về xã hội: Từ 1975 - 2015, cùng với các chính sách định canh định cư, các chính sách phát triển kinh tế, xã hội, các chính sách về an sinh xã hội của Trung ương và tỉnh Lâm Đồng làm cho tổ chức xã hội người Cơ ho Srê thay đổi theo hướng tích cực. Bòn dựa vào nguồn nước, gần khu vực ruộng nước với hệ thống nuôi nhốt trâu, dê... được đưa lên khu vực khô ráo, vệ sinh. Bòn từ chỗ mật tập trước đây chuyển thành bòn phân tán dựa vào hệ thống giao thông ngày càng thuận tiện. Bên cạnh tổ chức chính quyền thôn, xã, chế độ tự quản của bòn cũng được duy trì, vai trò của người già, người có uy tín trong bòn được phát huy, luật tục (*nrĩ*) được khuyến khích những yếu tố tích cực để góp phần điều chỉnh hành vi, quan hệ xã hội của nhân dân. Tinh thần đoàn kết, tương thân trong bòn được phát huy, người dân trong bòn tích cực giúp nhau trong sản xuất, sinh hoạt, đời sống...

Từ 1975 - 2015 số lượng dòng họ trong mỗi bòn ngày càng tăng lên. Dù những yếu tố kinh tế, xã hội khác chịu sự tác động lớn của kinh tế thị trường, của môi trường xã hội nhưng dòng họ của người Cơ ho Srê vẫn ổn định, nó không chỉ giúp họ tránh hôn nhân cận huyết mà còn giữ tính tôn ti trật tự, sự gắn kết, sự sẻ chia, giúp đỡ nhau... của những gia đình cùng họ. Trong đó, nổi lên vai trò của các ông cậu (*kôñ*), trưởng họ (*kôñ pàng*).

Các tiểu gia đình hai thế hệ ngày càng chiếm ưu thế, tạo thuận lợi trong việc phát triển kinh tế, phù hợp với xu hướng gia đình hiện đại. Đa phần người Cơ ho Srê, nhất là lớp trẻ nhận thức được gia đình ít con để được chăm lo ngày càng đầy đủ hơn, được học hành tốt hơn. Gia đình có sự phân công lao động phù hợp, bình đẳng đàn ông Cơ ho Srê siêng năng, chăm lo cho gia đình hơn so

với đàn ông ở một vài DTTS tại chỗ khác, các nhóm Cơ ho khác tại địa phương, người mẹ, người vợ, con gái... được coi trọng. Kinh tế phát triển nhất là từ cuối những năm 90 (thế kỷ XX) đến 2015, đời sống các gia đình Cơ ho Srê ngày càng ổn định hơn so với giai đoạn trước, đây là thành tựu tích cực chuyển biến xã hội của người Cơ ho Srê.

4.1.1.2 Nguyên nhân

- Tác động từ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.
- Tác động của quá trình di cư, sự gia tăng dân số và cộng cư tộc người.
- Sự tác động của tôn giáo.
- Tác động của khoa học - kỹ thuật, kinh tế thị trường và hội nhập trong nước, khu vực.
- Vai trò của cán bộ, công chức và nguồn nhân lực người Cơ ho Srê.

4.1.2 Những vấn đề còn tồn tại và nguyên nhân

4.1.2.1 Tồn tại và những vấn đề đặt ra

Về kinh tế, tư duy kinh tế tiểu nông, tự cấp tự túc vẫn còn sâu đậm, tầm nhìn còn ngắn hạn, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn chậm, tính đột phá không cao. Tình trạng độc canh cây lúa, cây cà phê ở một số vùng còn nặng nề... Khả năng cung ứng và đáp ứng những thay đổi của thị trường còn chậm. Giá trị của các giống lúa gạo, nếp, bầu, bí... địa phương chưa phát huy hiệu quả, giá trị thương phẩm chưa được phổ biến.

Chăn nuôi đại gia súc của người Cơ ho Srê giảm sút, đàn gia cầm mang nặng tính tự túc, tự cấp trong khi các loại gia súc, gia cầm mới phát huy giá trị hàng hóa hạn chế. Các hộ người Cơ ho Srê tiếp thu những vật nuôi và loại hình chăn nuôi mới nhưng tính kiên trì chưa cao, kỹ thuật còn hạn chế... Các giống vật nuôi địa phương chưa tạo nên thương hiệu trên thị trường.

Nghề rèn không còn, đan lát mai một, một số nơi có yếu tố dịch vụ nhưng còn hạn chế, đầu ra sản phẩm chưa ổn định, chưa phát huy hiệu quả, tính bền vững chưa cao. Buôn bán, dịch vụ còn kém, mang nặng tính nhỏ lẻ... kinh tế các hộ gia đình lệ thuộc nặng nề vào kinh tế nông nghiệp.

Các tri thức bản địa về bảo vệ đất canh tác nói riêng và đất rừng nói chung mất dần, tâm thức về rừng sút giảm, tình trạng phá rừng trong chính người Cơ ho Srê ngày càng phổ biến. Việc sử dụng thuốc trừ sâu, phân hóa học... khiến môi trường sống bị tác động xấu.

Về xã hội, các bòn xen cư chiếm ưu thế, có nơi người Cơ ho Srê thành thiểu số, nhiều bòn bị xóa tên thành các đơn vị đánh số: thôn 1, thôn 2... Những tác động của di dân, của kinh tế thị trường, họ “nuờng” dần những “mặt tiền” của khu dân cư cho tộc người khác (chủ yếu người Kinh). Những dự án thủy lợi, thủy điện lớn... khiến vị trí bòn truyền thống thay đổi. Nền tảng vật chất, kinh tế và tinh thần về đất đai, lễ hội... các bòn không còn, bòn truyền thống bị tan rã, sự đoàn kết, tương thân, tương ái của bòn sút giảm. Vai trò của chủ làng mờ nhạt, chỉ còn ý nghĩa tinh thần.

Trước sự rạn vỡ của bòn truyền thống, người Cơ ho Srê “co lại” trong phạm vi họ hàng. Dòng họ, bên cạnh những ưu điểm nó còn có những mặt trái, ý thức dòng họ đôi khi cực đoan dẫn đến tình trạng cục bộ.

Mặt trái của của kinh tế thị trường, đã ảnh hưởng nhiều đến gia đình người Cơ ho Srê, vai trò quyết định của người đàn ông đối với các vấn đề quan trọng của gia đình ngày càng lớn. Những năm gần đây, khi “nhậu nhẹt” trong đàn ông Cơ ho Srê ngày càng phổ biến, hiện tượng vợ chồng cãi vã, đánh nhau, con cái không nghe lời bố mẹ, ông bà hiện tượng ly hôn... không còn cá biệt. Việc xóa đói giảm nghèo ở nhiều gia đình chưa bền vững, tình trạng tái nghèo vẫn còn, nhiều gia đình còn tình trạng tự hài lòng với cuộc sống hiện có, thiếu ý chí vươn lên...

Cuối cùng, sự chuyển biến trong kinh tế, nhất là trong sở hữu đất đai của bòn đối với đất rẫy, rừng không còn đã dẫn đến những thay đổi của bòn, cơ cấu cư dân bòn đảo lộn, của vai trò của bòn ngày càng giảm... Sự chuyển biến này khiến cho các giá trị văn hóa của bòn rạn vỡ, không gian văn hóa bòn không còn, các lễ hội, luật tục... chỉ còn tàn mát, các tri thức bản địa về quản lý xã hội phai nhạt, nguy cơ dung hòa văn hóa là vấn đề lớn đặt ra trong phát triển bền vững trong cộng đồng người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng.

4.1.2.2 Nguyên nhân tồn tại

- Xuất phát điểm nền kinh tế thấp.
- Công tác quản lý, việc chỉ đạo triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước một số nơi chưa kịp thời, còn lúng túng.
- Chính quyền cơ sở, cán bộ địa phương một số nơi chưa xác định đầy đủ trách nhiệm trong việc thực hiện chính sách đầu tư phát triển kinh tế, xã hội vùng DTTS
- Cơ sở hạ tầng còn hạn chế.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở và nguồn nhân lực ở một số địa phương vùng người Cơ ho Srê chưa đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Tác động của tình trạng di cư tự do.
- Tác động kinh tế thị trường.

Ngoài ra, còn có những nguyên nhân khác như tâm lý ỷ lại, trông chờ vào chính sách; chưa có sự coi trọng và kế thừa các tri thức bản địa trong các chương trình, dự án giảm nghèo...

4.2. Một số kinh nghiệm

Thứ nhất, cần nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước và vận dụng phù hợp, sáng tạo vào thực tiễn của từng địa phương, từng dân tộc, từng nhóm tộc người, từ đó xây dựng các chương trình, kế hoạch cụ thể đến từng đối tượng và xác định rõ những yếu tố liên quan.

Thứ hai, không ngừng củng cố và tăng cường phát huy khối đại đoàn kết các dân tộc, hết sức coi trọng vấn đề dân tộc trong vùng DTTS, nắm vững và thực hiện chính sách dân tộc của Đảng một cách linh hoạt, đây là nền tảng để phát triển kinh tế, xã hội của người Cơ ho Srê theo hướng bền vững.

Thứ ba, gắn tăng trưởng, phát triển kinh tế với xóa đói giảm nghèo, phát triển bền vững trong cộng đồng, khai thác tiềm năng thế mạnh của người Cơ ho Srê trong lĩnh vực kinh tế.

Thứ tư, trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội cần chú ý đến tính đặc thù của địa phương, tộc người, một nhóm tộc người, đáp ứng nguyện vọng của họ.

Thứ năm, xây dựng hệ thống chính trị và chính quyền cơ sở hiệu quả, gắn với phát huy vai trò của cán bộ người Cơ ho Srê.

4.3. Giải pháp phát triển bền vững kinh tế, xã hội người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng

Nhóm giải pháp kinh tế:

- Tập trung nguồn lực giải quyết hợp lý vấn đề đất sản xuất.
- Chú trọng đến vấn đề hỗ trợ vốn và cơ sở vật chất, nền tảng hạ tầng cho phát triển kinh tế vùng người Cơ ho Srê.
- Trong trồng trọt, chăn nuôi cần đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi, phát huy các thế mạnh đặc thù trong trồng trọt, chăn nuôi ở cộng đồng người Cơ ho Srê.
- Cùng với việc đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi cần tạo dựng các thương hiệu mang tính “đặc sản” của người Cơ ho Srê.

- Đa dạng hóa các ngành nghề kinh tế tại các địa phương, từ đó đa dạng hóa việc làm, thay đổi thói quen dựa vào nông nghiệp và lấy nông nghiệp làm sinh kế chính.

- Cần thay đổi dần thói quen “cầm tay chỉ việc” tính ỷ lại chính sách... cần phát huy năng lực nội sinh của người Cơ ho Srê...

Nhóm giải pháp xã hội:

- Quan tâm, làm tốt công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền cơ sở; nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ trẻ trong công tác quản lý.

- Phát huy tốt vai trò của trưởng họ, các ông cậu, người có uy tín trong các bòn để xây dựng dòng họ, gia đình của người Cơ ho Srê vững mạnh.

- Phát huy vai trò của dòng họ trong giúp nhau xây dựng gia đình, phát triển kinh tế, hỗ trợ vốn, vãn đò công trong sản xuất... Phát huy tính bình đẳng của gia đình người Cơ ho Srê.

Nhóm giải pháp về văn hóa

- Khai thác sử dụng triệt để kiến thức bản địa trong văn hóa truyền thống, sưu tầm và phát huy luật tục của người Cơ ho Srê vào trong quản lý xã hội.

- Phát huy tốt vai trò của nhà sinh hoạt cộng đồng, trong bảo tồn, phát huy văn hóa.

- Xây dựng nguồn nhân lực, đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở có tri thức về văn hóa người Cơ ho Srê, có ý thức bảo tồn các giá trị tốt đẹp trong cộng đồng.

- Phát triển các hoạt động du lịch ở vùng người Cơ ho Srê sống tập trung, từ đó kéo theo những dịch vụ đi kèm, tạo cơ hội cho nghề đan lát, ủ rượu cần... truyền thống phục hồi.

- Phát huy vai trò của tôn giáo như hoạt động bảo tồn văn hóa, dùng luật tục để nhắc nhở giáo dân trong điều chỉnh các quan hệ xã hội...

Nhóm giải pháp về môi trường

- Nhà nước cần phát huy tri thức bản địa truyền thống của người dân trong gìn giữ rừng, cần có quy hoạch để bảo vệ tốt nguồn nước.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền những tác hại của các loại hóa chất trong nông nghiệp, hướng dẫn cách sử dụng phù hợp, tránh tác động lớn đến, nguồn nước, chất đất, môi sinh...

- Cuối cùng, để phát triển kinh tế bền vững, xã hội ổn định trong cộng đồng Cơ ho Srê, cần nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy cho họ trong phát triển kinh tế, xây dựng gia đình, dòng họ, bòn văn hóa.

Tiểu kết chương 4

Từ sau ngày đất nước thống nhất đến năm 2015, Đảng và Nhà nước đã dành rất nhiều quan tâm, ưu đãi cho công cuộc phát triển kinh tế vùng DTTS nói chung cộng đồng người Cơ ho Srê nói riêng. Những chính sách của Đảng và Nhà nước, chính quyền các cấp tại địa phương thực hiện đã góp phần chuyển biến kinh tế, xã hội một cách tích cực làm thay đổi đời sống vật chất và tinh thần trong người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, quá trình chuyển biến kinh tế, xã hội ở người Cơ ho Srê vẫn còn những điểm hạn chế cần khắc phục. Đó là, kinh tế phát triển nhưng tính đa dạng chưa cao, tính bền vững chưa đảm bảo, thiết chế xã hội truyền thống dần mất đi, những yếu tố truyền thống bị mai một nhưng thiết chế xã hội mới chưa thật sự vững chắc.

Những đánh giá, những bài học kinh nghiệm về những thành tựu và hạn chế được rút ra; những giải pháp để phát triển kinh tế bền vững, xây dựng xã hội ổn định trong cộng đồng người Cơ ho Srê. Từ đó, tạo nên được sự chuyển biến kinh tế, xã hội một cách vững chắc, giúp người Cơ ho Srê hòa nhập nhanh vào cộng đồng các dân tộc Lâm Đồng nói riêng và cả nước nói chung.

KẾT LUẬN

Cơ ho Srê là nhóm người đông nhất của tộc người Cơ ho, thuộc nhóm ngôn ngữ *Môn – Khome*. Người Cơ ho Srê định cư lâu đời ở Lâm Đồng, trong môi trường miền núi với những đặc trưng về điều kiện đất đai, khí hậu, thủy văn,... hoạt động sản xuất kinh tế, tổ chức xã hội truyền thống của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng đã thể hiện sự thích ứng của con người với điều kiện tự nhiên ở từng giai đoạn lịch sử cụ thể với đầy đủ các phương thức sản xuất như trồng trọt, chăn nuôi, thủ công gia đình, trao đổi và săn bắt, hái lượm, khai thác nguồn lợi tự nhiên. Có tổ chức xã hội: bòn với vai trò tự quản cao, dòng họ là cầu nối gia đình với xã hội, ở đó quan hệ họ hàng được coi trọng và duy trì thường xuyên, đại gia đình mẫu hệ ổn định là hạt nhân của xã hội. Trong kinh tế, trồng lúa nước đóng vai trò chủ đạo, trồng trọt nương rẫy, chăn nuôi, thủ công gia đình, săn bắt, hái lượm... góp phần bổ trợ. Hệ thống tri thức trong hoạt động trồng trọt, chăn nuôi,... trong tổ chức xã hội của họ một phần được đúc kết từ thực tiễn, một phần do học hỏi từ người Chăm và những tộc người lân cận đã thể hiện sự giao lưu tiếp biến văn hóa, làm nên những sắc thái kinh tế, tổ chức xã hội đặc trưng riêng của nhóm người.

Sau ngày 1975 đến 2015, kinh tế và tổ chức xã hội truyền thống của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng đã có nhiều chuyển biến, thể hiện qua hai giai đoạn: 1975 - 1986 và 1986 - 2015.

Về kinh tế, từ 1975 - 1986, kinh tế của người Cơ ho Srê có những chuyển biến: trong trồng trọt, năng lực thâm canh cây lúa cao hơn, trồng trọt nương rẫy giảm dần luân khoảnh thay bằng các rẫy cố định; trong chăn nuôi các gia đình biết làm trại cho gia súc. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi có chuyển biến, bên cạnh các giống cây trồng vật nuôi truyền thống xuất hiện thêm các giống lúa, rau, màu, vật nuôi mới, đặc biệt việc trồng cây công nghiệp cà phê, chè ở các hộ ngày càng nhiều. Kỹ thuật canh tác cũng có nhiều bước tiến, việc bón phân, chăm sóc cây trồng được thực hiện nhiều hơn, cây cà phê với các kỹ thuật mới cũng được các gia đình áp dụng. Sự thay đổi trong cơ cấu cây trồng, vật nuôi cũng dẫn thay đổi trong trao đổi sản phẩm, nhiều sản phẩm sau khi thu hoạch, xuất chuồng được cung ứng cho các cửa hàng mua bán tại địa phương. Bên cạnh trồng trọt, chăn nuôi, các hoạt động kinh tế khác như thủ công, săn bắn, hái lượm vẫn duy trì.

Từ 1986 - 2015, chuyển dịch trong cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thay đổi mục đích sử dụng đất đã diễn ra tích cực. Các hộ gia đình có sự chuyển biến trong tư duy, thay đổi cách nghĩ, cách làm. Xuất phát từ nền tảng kinh tế với trồng trọt lúa nước và nương rẫy mang tính tự cung, tự cấp, người Cơ ho Srê đã chuyển dịch dần sang cơ cấu kinh tế hàng hóa và dịch vụ; thay đổi phương thức canh tác đã nâng cao hiệu quả kinh tế. Giống giai đoạn trước, cây lúa nước vẫn được duy trì nhưng vai trò giảm đi trong đời sống các hộ. Giai đoạn này có sự chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cơ cấu cây trồng cao, đất rẫy, đất lúa nước không hiệu quả do thiếu nước, hoặc đất vườn chuyển sang đất trồng chuyên canh cây công nghiệp, hoa màu, những năm gần đây còn trồng cây ăn trái, phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao.... Trong sản xuất, canh tác của người Cơ ho Srê có sự thay đổi khá nhanh chóng, quá trình cơ giới hóa diễn ra nhanh, áp dụng kỹ thuật mới như phổ biến dùng phân bón, thuốc trừ sâu, tưới tiêu, các kỹ thuật trồng trọt mới,... đã góp phần tăng năng suất, giảm lao động thủ công. Sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo hướng kinh tế hàng hóa đã giúp cho thu nhập tăng cao, không còn lệ thuộc vào việc độc canh cây lúa như trước.

Chăn nuôi có bước thay đổi, chăn nuôi đại gia súc, nhất là đàn trâu giảm sút, tuy nhiên mục đích chăn nuôi đã thay đổi, từ việc vật nuôi chủ yếu phục vụ cho hiến tế, nông nghiệp, cải thiện bữa ăn, từng bước đã có sự chuyển dịch theo hướng hàng hóa phục vụ thị trường. Việc nuôi trâu, bò... lấy thịt bán ra thị trường phổ biến, chăn nuôi các giống bò lai, bò sữa, heo thịt, gà... cung cấp cho thị trường, xuất hiện ở nhiều hộ gia đình góp phần không nhỏ trong nâng cao đời sống kinh tế.

Bên cạnh đó, giai đoạn này hoạt động kinh tế của người Cơ ho Srê đa dạng hơn, xuất hiện thêm nhiều ngành nghề mới như du lịch, dịch vụ, buôn bán... nhiều người là giáo viên, bác sĩ, kỹ sư, công chức, viên chức... nhiều người làm công nhân trong nhà máy, xí nghiệp, tạo sự đa dạng hơn trong thu nhập so với trước.

Về tổ chức xã hội, giai đoạn 1975 - 1986, bòn truyền thống của người Cơ ho Srê bước đầu có những thay đổi, vị trí làng được chuyển lên nơi khô ráo, bộ máy hành chính từng bước được xây dựng, vai trò của chủ làng còn khá cao. Từ 1986 - 2015, quá trình này diễn ra nhanh chóng, bòn thay đổi hoàn toàn về cấu trúc, không còn là tập hợp các nhà dài gắn kết với nhau, mà hình thành các khu dân cư với cộng cư tộc người phổ biến. Các tổ chức hành chính ngày càng xây dựng chặt chẽ, chủ làng/ già làng được coi trọng, giúp chính quyền trong xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư.

Dòng họ của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng được phân thành nhiều chi, số dòng họ tăng lên... Dòng họ vẫn có một vị thế lớn trong cộng đồng người Cơ ho Srê, vai trò của trưởng họ, các ông cậu vẫn giữ một vị thế lớn. Mỗi quan hệ họ hàng được duy trì khá thường xuyên, bà con trong họ giữ liên lạc, giúp nhau trong sản xuất, cũng như các việc hệ trọng ở từng gia đình.

Đại gia đình mẫu hệ của người Cơ ho Srê được thay thế bằng các tiểu gia đình với kinh tế độc lập. Việc không phụ thuộc kinh tế nhiều vào gia đình vợ như trước, và những thay đổi của nền kinh tế thị trường, vai trò của người đàn ông tăng lên. Tuy nhiên, cơ bản gia đình người Cơ ho Srê vẫn giữ được những phong tục cũ như người mẹ vẫn có ảnh hưởng lớn trong gia đình, coi trọng vai trò con gái, ở với con gái út và cô gái vẫn là người chủ động trong hôn nhân...

Bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn còn những tồn tại trong chuyển biến kinh tế và tổ chức xã hội của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng từ 1975 - 2015.

Trong nông nghiệp việc thiếu đất, thiếu vốn là vấn đề hết sức cấp thiết đối với các hộ. Tình trạng độc canh, lệ thuộc vào cây lúa, cà phê nhiều nơi còn nặng nề. Nghề thủ công truyền thống đan lát ít người biết đến, nghề rèn đến năm 2015 gần như không còn. Một số ngành nghề, loại hình lao động mới xuất hiện nhưng quy mô nhỏ và tỷ trọng chưa cao trong cơ cấu thu nhập. Tính tự cấp, tự túc, tính “manh mún”, tiểu nông trong sinh hoạt kinh tế còn cao...

Chế độ sở hữu đất đai cộng đồng (bòn) được thay bằng chế độ quyền sử dụng đất của các hộ gia đình hay nhóm hộ gia đình. Bòn với vai trò tự quản của nó trở nên phai nhạt và bị thay thế bởi hệ thống hành chính Nhà nước cấp cơ sở và các tổ chức chính trị, xã hội. Vai trò của luật tục, chỉ còn mang tính chất điều chỉnh hành vi của dân làng, không còn tính răn đe như trước, vai trò của chủ làng/ già làng ngày càng giảm sút, chỉ còn mang ý nghĩa tinh thần. Sự mai một các tri thức bản địa, sự dung hòa văn hóa... trong cộng đồng Cơ ho Srê ngày càng rõ hơn.

Dòng họ, gia đình bên cạnh yếu tố tích cực xuất hiện các yếu tố tiêu cực, như tính cục bộ trong các dòng họ, sự tan rã đại gia đình mẫu hệ khiến nhiều giá trị gia đình rạn vỡ...

Những thành tựu và tồn tại trong kinh tế và tổ chức xã hội bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó nguyên nhân liên quan đến việc xây dựng và tổ chức triển khai các chính sách của trung ương, địa phương về phát triển kinh tế - xã hội được xem là nguyên nhân quan trọng.

Kinh tế truyền thống của người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng là nền kinh tế mang tính tự nhiên, tự cấp và tự túc, thiết chế xã hội truyền thống của họ là tự quản. Sau ngày thống nhất đất nước (1975), nhất là từ 1986, khi bước vào thời kỳ đổi mới, nền kinh tế này chuyển sang kinh tế hàng hoá và bộ máy tự quản các bòn tan vỡ, đây là cả một vấn đề lớn đối với họ. Vấn đề thiếu đất sản xuất, thiếu vốn, nhiều hộ gia đình kinh tế còn khó khăn, nhiều hộ nghèo, cận nghèo, nhiều hộ nguy cơ tái nghèo. Bòn truyền thống mất đi, những giá trị văn hóa truyền thống cộng đồng có rạn vỡ, hệ sinh thái bị ảnh hưởng... Vì thế để phát triển bền vững kinh tế, xã hội trong cộng đồng người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng cần chú ý thực hiện đồng bộ các giải pháp về kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường. Bên cạnh, chú ý xây dựng các chính sách của phù hợp, cần chú ý đến các yếu tố nội sinh của cộng đồng, phát huy những điểm tích cực trong thiết chế xã hội, tri thức bản địa của họ.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Phan Văn Bông (2021). Chuyển biến trong hoạt động trồng trọt của kinh tế hộ gia đình người Cơ ho Srê ở Lâm Đồng từ 1986 đến 2015. *Tạp chí Khoa học, Đại học sư phạm Hà Nội*, Số 1-KHXH Việt Nam, tr.136 – 146 (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội: ISSN 2354-1067).
2. Phan Văn Bông (2021). Phát triển kinh tế nông nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng (1990 - 2015) – Qua nghiên cứu trường hợp người Cơ ho Srê. *Tạp chí Lịch sử Đảng*, Số 5, tr.104 – 108 (Viện Lịch sử Đảng – Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh: ISSN 0936 – 8477).
3. Phan Văn Bông (2021). Phát triển du lịch trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. *Hội thảo khoa học quốc tế Ted-2021: Văn hóa, giáo dục và du lịch với phát triển kinh tế*, Viện Khoa học, giáo dục, văn hóa, thể thao và du lịch, ngày 06 – 08/2021, NXB Thông tin và Truyền thông, tr. 717 – 722 (ISBN: 978-604-80-5756-5).
4. Phan Văn Bông (2021). Thực trạng xây dựng mô hình thiết chế tự quản ở vùng dân tộc thiểu số tại chỗ tỉnh Lâm Đồng. *Hội thảo khoa học quốc gia (có phân biện): Quản lý phát triển xã hội ở các tỉnh miền Trung – Tây Nguyên*, Học viện chính trị khu vực III và Viện Khoa học Xã hội cùng Trung bộ đồng tổ chức, Đà Nẵng tháng 10/2021, tr.450 - 464.
5. Phan Văn Bông (2021). Thực trạng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp của người dân tộc tại chỗ tỉnh Lâm Đồng từ 1986 - 2015 (nghiên cứu trường hợp người Cơ ho Srê). *Hội thảo khoa học quốc gia: Phân tán và tích tụ ruộng đất tại Tây Nguyên – Lý luận và thực tiễn*, Viện Khoa học Xã hội vùng Tây Nguyên, Đắk Lắk 26/11/2021, tr.177 - 183.